

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**

**thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 55-NQ/TW*), Tỉnh ủy Hòa Bình xây dựng Chương trình hành động thực hiện với những nội dung chủ yếu sau:

**I- KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TỈNH HÒA BÌNH**

Trong những năm qua việc cung cấp năng lượng, đặc biệt là cung cấp điện cơ bản đáp ứng đủ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với chất lượng ngày càng được nâng cao. Đến nay trên địa bàn tỉnh có 11 nhà máy thủy điện đã hoàn thành đưa vào sử dụng với tổng công suất 1.957,25 MW (*trong đó nhà máy thủy điện Hòa Bình có công suất 1.920 MW và 10 nhà máy thủy điện nhỏ với tổng công suất 37,25 MW*), hàng năm cung cấp cho hệ thống lưới điện quốc gia khoảng 10 tỷ kWh; hạ tầng cung cấp điện có sự phát triển mạnh mẽ (*hiện tại tỉnh Hòa Bình đang được nhận điện từ hệ thống điện Quốc gia qua 08 trạm 110 kV với 13 máy biến áp, tổng công suất là 356 MVA. Ngoài ra còn được cung cấp từ mạch vòng 35 kV từ trạm 110 kV X18 Nho Quan - Ninh Bình*), là điều kiện quan trọng cho việc bảo đảm an ninh cung ứng điện. Đến hết năm 2019, hệ thống lưới điện quốc gia đã tới trung tâm các xã, phường, thị trấn, kể cả vùng sâu, vùng xa, tỷ lệ số hộ sử dụng điện lưới quốc gia đạt 99,75%. Việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày càng được quan tâm. Ngành năng lượng trở thành ngành kinh tế năng động, đóng góp rất quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được còn một số hạn chế, yếu kém: Lưới điện hạ áp tại một số xã vùng sâu, vùng xa đã được đầu tư đưa vào sử dụng từ lâu, hiện đã xuống cấp và vẫn còn lưới điện do nhân dân tự đầu tư xây dựng không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật; đường dây trung áp cơ bản đã liên kết mạch vòng giữa các trạm 110 kV, tuy nhiên tiết diện dây đường trục còn

nhỏ chưa đảm bảo, chưa được cải tạo đồng bộ, hơn nữa đường dây dài nên ảnh hưởng khi cấp hỗ trợ điện áp cuối nguồn thấp, riêng khu vực huyện Đà Bắc hiện chỉ có một nguồn cấp; kế hoạch bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng lưới điện chưa phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tình trạng mất điện do sự cố vẫn còn xảy ra gây ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của một số doanh nghiệp và nhân dân. Công ty Điện lực Hòa Bình vẫn còn bán điện cho nhóm khách hàng sử dụng điện sinh hoạt. Tiến độ thực hiện một số dự án điện bị chậm so với quy hoạch, kế hoạch; cơ chế chính sách về đền bù, giải phóng mặt bằng chưa đáp ứng được yêu cầu, dẫn đến các vướng mắc về bồi thường, giải phóng mặt bằng chậm được giải quyết.

Công tác quản lý, khai thác nguồn tài nguyên năng lượng còn một số hạn chế. Hiệu quả khai thác, sử dụng năng lượng còn thấp. Việc sử dụng điện ở một số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp còn chưa tiết kiệm, hiệu quả. Cơ sở hạ tầng ngành năng lượng còn thiếu và chưa đồng bộ. Trình độ công nghệ trong một số lĩnh vực thuộc ngành năng lượng chậm được nâng cao. Chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động trong một số lĩnh vực còn thấp. Thị trường năng lượng cạnh tranh phát triển chưa đồng bộ, thiếu liên thông giữa phát điện với truyền tải điện. Cơ chế, chính sách chưa đủ hấp dẫn để thu hút các nhà đầu tư lớn đầu tư phát triển năng lượng. Công tác phối hợp trong phát triển năng lượng giữa các cơ quan quản lý nhà nước chưa được chủ động. Công tác bảo vệ môi trường trong ngành năng lượng chưa được quan tâm đúng mức.

## **II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **1. Mục tiêu chung**

- Thực hiện đầy đủ, có hiệu quả Nghị quyết số 55-NQ/TW và các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng; cung cấp năng lượng ổn định, có chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống của nhân dân, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái. Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trên địa bàn, ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới; triệt để thực hành tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng. Khuyến khích, đa dạng hóa hình thức sở hữu và phương thức kinh doanh trong phát triển năng lượng. Chủ động nâng cấp, từng bước xây dựng hệ thống lưới điện, phân phối điện hiện đại, thông minh.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

- Cung cấp đủ nhu cầu năng lượng của tỉnh, đáp ứng cho các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030. Phát triển đồng bộ lưới điện truyền tải và phân phối trên địa bàn tỉnh nhằm phát triển kinh tế xã hội của địa phương với tốc độ tăng trưởng GRDP trong giai đoạn 2021-2025 là 10-11%/năm; giai đoạn 2026-2035 là 10,5-11,5%/năm. Đáp ứng nhu cầu điện các năm theo Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035, cụ thể: năm 2020 công suất cực đại 215 MW, năm 2025 công suất cực đại 414 MW, năm 2030 công suất cực đại 628 MW, năm 2035 công suất cực đại 1.068 MW, năm 2040 công suất cực đại 1.815 MW, năm 2045 công suất cực đại 3.086 MW.

- Tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt khoảng 13,5% vào năm 2030; 15% vào năm 2045.

- Xây dựng hệ thống lưới điện hiện đại, thông minh, hiệu quả, có khả năng kết nối khu vực; bảo đảm cung cấp điện an toàn, đáp ứng tiêu chí N-1 đối với vùng phụ tải quan trọng và N-2 đối với vùng phụ tải đặc biệt quan trọng. Tồn thất điện năng giảm xuống thấp hơn 6,5% vào năm 2025; 6,0% vào năm 2030 và 5,5% vào năm 2045.

- Tỷ lệ tiết kiệm năng lượng trên tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng so với kịch bản phát triển bình thường đạt khoảng 7,0% vào năm 2030 và khoảng 14% vào năm 2045.

- Giảm mức tiêu hao năng lượng bình quân của các cơ sở công nghiệp trên địa bàn so với giai đoạn 2015-2020 như sau: Sản xuất hóa chất từ 7,0-9,0%, sản xuất nhựa từ 18-22,5%, sản xuất xi măng từ 7,5-9,0%, dệt may từ 5,0-6,0%, rượu bia nước giải khát từ 3,0-7,5%, sản xuất giấy từ 8,0-16%.

- Giảm lượng tiêu thụ xăng, dầu trong giao thông vận tải so với dự báo nhu cầu 5%.

- Giảm phát thải khí nhà kính từ hoạt động năng lượng so với kịch bản phát triển bình thường ở mức 15% vào năm 2030, lên mức 20% vào năm 2045.

## **3. Nhiệm vụ và giải pháp**

***3.1- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; phát huy quyền làm chủ của nhân dân và vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong phát triển ngành năng lượng***

- Cấp ủy đảng các cấp tổ chức quán triệt nghiêm túc, đầy đủ nội dung của Nghị quyết số 55-NQ/TW để tạo sự đồng thuận cao trong cán bộ, đảng viên, trong cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân về vai trò, tầm quan

trọng của của năng lượng với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp uỷ đảng, cả hệ thống chính trị và nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của ngành năng lượng. Các cấp uỷ đảng và chính quyền từ tỉnh đến cơ sở cần xác định phát triển năng lượng quốc gia là nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt, nghiêm túc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Xây dựng cơ chế và khung pháp lý bảo đảm cho việc tuân thủ quy hoạch phát triển năng lượng. Xử lý nghiêm đối với các dự án đầu tư chậm triển khai, làm ảnh hưởng đến an ninh năng lượng quốc gia.

- Phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn, cơ chế phối hợp giữa Trung ương và địa phương, giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong phát triển năng lượng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành và thực thi nghiêm túc các quy định pháp luật về năng lượng. Thực hiện tốt vai trò định hướng, xây dựng chính sách gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ thực hiện.

- Phát huy quyền làm chủ của nhân dân; mở rộng sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đối tượng chịu tác động của chính sách vào quá trình xây dựng và giám sát thực hiện chiến lược, quy hoạch và chính sách phát triển năng lượng quốc gia.

### ***3.2- Xây dựng thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển nhanh và bền vững lĩnh vực năng lượng đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá***

- Rà soát, bổ sung xây dựng hệ thống chính sách thúc đẩy phát triển năng lượng theo hướng bền vững, đảm bảo khả thi, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với quy định của pháp luật. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành, vùng của tỉnh phù hợp với Chiến lược phát triển ngành năng lượng Việt Nam gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Rà soát các dự án phát điện đang vận hành và đã có trong quy hoạch bảo đảm an toàn, tin cậy, ổn định theo hướng đa dạng hoá, chú trọng nâng cao hệ số công suất khả dụng và có dự phòng công suất phù hợp; đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường sinh thái.

+ *Đối với thủy điện*: Huy động tối đa các nguồn thủy điện hiện có; nghiên cứu xem xét về tiềm năng thủy điện trên địa bàn, cân nhắc kỹ ảnh hưởng đến môi trường, sản xuất nông nghiệp của việc phát triển bổ sung thủy điện nhỏ và vừa, thủy điện tích năng.

+ *Đối với điện gió và điện mặt trời*: Ưu tiên phát triển phù hợp với khả năng bảo đảm an toàn hệ thống lưới điện. Khuyến khích phát triển điện mặt trời áp mái và trên mặt nước.

+ *Đối với điện sinh khối, rác thải và chất thải rắn*: Nghiên cứu, khai thác tối đa nguồn điện sinh khối đồng phát; tăng cường phát triển các nguồn điện từ rác thải đô thị, chất thải rắn và sinh khối.

- Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương xây dựng hoàn thiện các cơ chế tài chính và huy động vốn cho đầu tư phát triển ngành điện, cơ chế cho phép phát triển các nhà máy điện sản xuất tại chỗ, tự cung cấp trong các khu, cụm công nghiệp.

- Tạo điều kiện cho ngành điện thực hiện đầu tư hiện đại hoá từ khâu sản xuất, truyền tải đến phân phối đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường điện. Tranh thủ các nguồn vốn, xây dựng kế hoạch cải tạo, nâng cấp, phát triển mới lưới điện cao thế, trung thế, hạ thế phù hợp quy hoạch và thực tiễn nhằm đảm bảo cung cấp điện ổn định, an toàn, giảm tổn thất điện năng trong truyền tải và phân phối điện.

- Áp dụng đồng bộ các giải pháp trong quản lý kinh doanh, kỹ thuật, vận hành hệ thống điện để giảm tổn thất lưới điện.

### ***3.3- Rà soát các ngành và khu vực tiêu thụ năng lượng đồng bộ với thực hiện chính sách về sử dụng năng lượng sạch, tiết kiệm và hiệu quả***

- Rà soát lại các lĩnh vực sản xuất tiêu thụ năng lượng trên địa bàn, tăng cường các giải pháp nâng cao hiệu suất để đảm bảo định mức tiêu hao năng lượng theo quy định. Có cơ chế khuyến khích đầu tư các dự án công nghiệp tiêu thụ ít năng lượng và có hiệu quả về kinh tế - xã hội. Không cấp chủ trương đầu tư đối với các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nhiều năng lượng.

- Rà soát, điều chỉnh phân bố các nguồn tiêu thụ năng lượng linh hoạt theo hướng phân tán, hạn chế việc tập trung quá mức vào một số khu vực, địa phương.

- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2030. Tăng cường việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc kèm theo chế tài về sử dụng hiệu quả năng lượng đối với những lĩnh vực, sản phẩm có mức tiêu thụ năng lượng cao. Xây dựng cơ chế khuyến khích các hộ tiêu thụ sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, nhất là trong công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp và giao thông.

### ***3.4- Ưu tiên phát triển hạ tầng năng lượng bền vững, kết nối khu vực; Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong lĩnh vực năng lượng; khuyến khích kinh tế tư nhân tham gia xã hội hoá phát triển năng lượng***

- Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng năng lượng bền vững; chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng năng lượng kết nối khu vực. Thực hiện xã hội hoá tối đa trong đầu tư và khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, dịch vụ ngành năng lượng.

- Tạo lập môi trường thuận lợi, minh bạch; công khai quy hoạch, danh mục các dự án đầu tư, xoá bỏ mọi rào cản để thu hút, khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, phát triển các dự án năng lượng, chú trọng những dự án phát điện và các hoạt động bán buôn, bán lẻ điện theo cơ chế thị trường. Tiếp tục khuyến khích, thu hút đầu tư nước ngoài có quy mô, chất lượng và hiệu quả cho ngành năng lượng. Chỉ đạo hoàn thiện cơ chế đầu tư thông thoáng, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chỉ số tiếp cận điện năng để bảo đảm tiến độ các dự án, công trình điện.

### ***3.5- Đổi mới cơ chế, chính sách, phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông, hiện đại và hiệu quả, phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa***

- Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương xây dựng phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông giữa các phân ngành điện và năng lượng tái tạo, kết nối với thị trường khu vực. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, các công cụ có tính thị trường để đẩy mạnh sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện các chính sách về: Đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, sử dụng mặt nước, chống đầu cơ, trục lợi, lợi ích nhóm trong lĩnh vực năng lượng; Đổi mới chính sách tài chính theo hướng khuyến khích, thu hút mạnh các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước; Khuyến khích các dự án đầu tư năng lượng theo hình thức đối tác công tư (PPP); Thực hiện chính sách tín dụng linh hoạt, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp năng lượng tiếp cận các nguồn vốn, đặc biệt là các doanh nghiệp có dự án năng lượng xanh; Hoàn thiện chính sách thuế khuyến khích sản xuất, sử dụng năng lượng sạch, tái tạo; Hoàn thiện cơ chế và thực hiện chính sách về tiêu chuẩn tỷ lệ năng lượng tái tạo trong cơ cấu đầu tư và cung cấp năng lượng.

- Nghiên cứu đề xuất sửa đổi để hoàn thiện các luật chuyên ngành về dầu khí, điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các luật khác liên quan đến ngành năng lượng để làm cơ sở thực hiện hiệu quả hơn cơ chế thị

trường; hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động kiểm soát và điều phối điện lực.

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng các phân ngành quy hoạch phát triển năng lượng, bảo đảm tính ổn định, đồng bộ và linh hoạt, gắn kết với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và một số ngành khác. Sớm ban hành các quy hoạch liên quan đến phát triển năng lượng theo Luật Quy hoạch.

### ***3.6- Phát triển khoa học - công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành năng lượng***

- Khuyến khích liên kết giữa lực lượng nghiên cứu và phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo với các doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo trong lĩnh vực năng lượng thông qua các chương trình khoa học và công nghệ; lồng ghép hoạt động nghiên cứu và phát triển trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển năng lượng. Khuyến khích các doanh nghiệp năng lượng tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và phát triển.

- Từng bước áp dụng các biện pháp khuyến khích và bắt buộc đổi mới công nghệ, thiết bị trong ngành năng lượng cũng như những ngành, lĩnh vực sử dụng nhiều năng lượng.

- Tăng cường đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ ngành năng lượng đáp ứng yêu cầu.

### ***3.7- Thực thi chính sách bảo vệ môi trường ngành năng lượng gắn với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững***

- Tăng cường thực thi Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các văn bản pháp luật liên quan trong mọi lĩnh vực đời sống, kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện đánh giá hiệu quả việc sử dụng, tái chế tro, xỉ phát sinh trên cơ sở cân đối nhu cầu và khả năng tiêu thụ làm vật liệu xây dựng.

- Tăng cường phòng ngừa, kiểm soát các đối tượng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; xử lý nghiêm các vi phạm về an toàn môi trường theo quy định của pháp luật. Thông tin tuyên truyền kịp thời và đầy đủ về công tác bảo vệ môi trường trong ngành năng lượng.

- Triển khai Đề án tích hợp mô hình kinh tế tuần hoàn vào chiến lược phát triển các doanh nghiệp năng lượng. Phát triển hệ thống quản lý và xử lý chất thải trong sản xuất năng lượng với công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện của tỉnh; bảo đảm năng lực tự xử lý các nguồn thải trong các doanh nghiệp năng lượng. Có cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp môi trường gắn với ngành năng lượng.

### **III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, thành ủy, huyện ủy, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có trách nhiệm tổ chức quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW phù hợp với thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị.

**2.** Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Chương trình hành động, giao nhiệm vụ cho các ngành chuyên môn triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 55-NQ/TW thuộc nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

**3.** Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ các quy định và điều kiện thực tế của địa phương ban hành Nghị quyết, cơ chế, chính sách nâng cao hiệu quả việc định hướng phát triển năng lượng quốc gia.

**4.** Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành chỉ đạo các cơ quan thông tin truyền thông của tỉnh xây dựng kế hoạch tuyên truyền việc nghiên cứu, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW và nội dung Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

**5.** Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan có kế hoạch kiểm tra, giám sát việc quán triệt, triển khai và thực hiện Chương trình hành động nêu trên, định kỳ tổng hợp báo cáo Tỉnh ủy theo quy định.

Chương trình hành động này được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương,
- Văn phòng Trung ương,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Đảng đoàn HĐND tỉnh,
- Ban cán sự đảng UBND tỉnh,
- Các cơ quan tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy (M.H).

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**

**Trần Đăng Ninh**